UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1580 /TĐHYKPNT-PKĐK
V/v mời các đơn vị có năng lực và quan tâm đến gói thầu "Mua hóa chất xét nghiệm, Vật tư xét nghiệm phục vụ cho xét nghiệm thường quy tại Phòng khám Đa khoa" lần 2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp.

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đang triển khai gói thầu "Mua hóa chất xét nghiệm, Vật tư xét nghiệm phục vụ cho xét nghiệm thường quy tại Phòng khám Đa khoa".

Để có cơ sở lập giá dự toán, nhà trường kính mời các đơn vị có đủ năng lực và quan tâm đến gói thầu: "Mua hóa chất xét nghiệm, Vật tư xét nghiệm phục vụ cho xét nghiệm thường quy tại Phòng khám Đa khoa" của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch gửi Thư báo giá được niêm phong về Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch theo phụ lục bảng yêu cầu báo giá.

Thành phần hồ sơ gồm:

1. Bảng báo giá dịch vụ (bao gồm toàn bộ chi phí như: thuế GTGT và các chi phí liên quan khác).

2. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 90 ngày.

Kính đề nghị Quý đơn vị gửi hồ sơ nêu trên bằng các hình thức sau:

1. Qua địa chỉ e-mail: hanhchinh.phongkhambsgd@pnt.edu.vn

2. Trực tiếp về Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Địa chỉ: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch – Phòng khám Đa khoa

Số 461 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian gửi: trước 16 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 7 năm 2024

Chi tiết liên hệ: Bà Lê Thị Quý Thảo, Trưởng Đơn vị Dược - VTYT Phòng khám Đa khoa, số điện thoại: 0918.263.596

**Lưu ý về tư cách hợp lệ của nhà thầu tham gia báo giá:*

- Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

- Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật 22;

- Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trân trọng./.

(Đính kèm: Phụ lục Bảng yêu cầu báo giá)

Nơi nhận:
- Như trên;
- HT và các Phó HT;
- P.CNTT (để đăng Website);
- Lưu: VT, PKĐK-N(02b).

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS.BS. Phạm Quốc Dũng

PHỤ LỤC

(Đính kèm Công văn số: 1580 /TĐHYKPNT-PKĐK ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

BẢNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
VẬT TƯ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY SINH HÓA AU400/ AU680/ AU2700 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG					
1	Hóa chất nội kiểm UIBC mức 1	Lọ	Hộp/10 lọ	Hóa chất kiểm tra chất lượng mức thấp	**10**
2	Hóa chất nội kiểm UIBC mức 2	Lọ	Hộp/10 lọ	Hóa chất kiểm tra chất lượng mức cao	**10**
3	Hóa chất định lượng GLUCOSE	Bộ	1x53ml+1x27 ml	Thuốc thử này được áp dụng để đo định lượng in vitro nồng độ glucose có trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu của con người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**08**
4	Hóa chất định lượng HbA1C	Hộp	2x37.5ml+2x 7.5ml+2x34.5 ml+5x2ml cal	Thuốc thử được sử dụng để đo định lượng in vitro hàm lượng glycohemoglobin trong máu người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**03**
5	Dung dịch ly giải HbA1C	Hộp	Hộp/1000mL	Dung dịch ly giải hồng cầu để định lượng HbA1C	**04**
6	Hóa chất định lượng CHOLESTEROL	Bộ	1x45ml	Thuốc thử này được áp dụng để xác định định lượng in vitro nồng độ cholesterol toàn phần trong huyết thanh người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**08**
7	Hóa chất định lượng HDL-CHOLESTEROL	Bộ	1x51.3ml+1x 17.1ml	Thuốc thử này được áp dụng cho phép đo định lượng in vitro nồng độ lipoprotein-cholesterol mật độ cao (HDL-C) có trong huyết thanh người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**10**
8	Hóa chất chuẩn HDL-CHOLESTEROL	Hộp	2X3ML	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng HDL-CHOLESTEROL	**01**

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
9	Hóa chất định lượng TRIGLYCERIDE	Bộ	1X50ML+1X 12.5ML	Thuốc thử này được áp dụng để xác định định lượng trong ống nghiệm nồng độ triglycerid của huyết thanh và huyết tương trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**10**
10	Hóa chất định lượng AST/SGOT	Bộ	1X25ML+1X 25ML	Thử nghiệm in vitro để xác định định lượng aspartate amino-transferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**15**
11	Hóa chất định lượng ALT/SGPT	Bộ	1X50ML+1X 25ML	Thử nghiệm in vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**15**
12	Hóa chất định lượng GGT	Bộ	1X40ML+1X 40ML	Thuốc thử này được áp dụng để đo định lượng in vitro hoạt tính của γ-GT trong huyết thanh hoặc huyết tương người. γ-GT tồn tại trong các mô khác nhau của con người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**07**
13	Hóa chất định lượng ACID URIC	Bộ	1X42.3ML+1 X17.7ML	Xét nghiệm được sử dụng để xác định định lượng Uric Acid trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**05**
14	Hóa chất định lượng BILIRUBIN TOÀN PHẦN	Bộ	1X40ML+1X 40ML	Xét nghiệm được sử dụng để xác định định lượng Bilirubin Trực tiếp trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
15	Hóa chất định lượng BILIRUBIN TRỰC TIẾP	Bộ	1X20ML+1X 20ML	Xét nghiệm được sử dụng để xác định định lượng Bilirubin Toàn phần trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
16	Chất chuẩn các xét nghiệm thường quy	Lọ	1X5ML	Hóa chất hiệu chuẩn hệ thống các xét nghiệm sinh hoá cơ bản	**02**
17	Dung dịch rửa máy	Bình	1X5L	Dung dịch rửa máy cho máy xét nghiệm sinh hóa trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**15**
18	Hóa chất định lượng hs-CRP	Hộp	2x60+2x15m L	Để xác định định lượng trong ống nghiệm CRP trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
19	Hóa chất chuẩn định lượng hs-CRP	Hộp	1x1mL	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng hs-CRP	**01**

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đè xuất
20	Hóa chất định lượng UREA	Bộ	1X53ML+1X 53ML	Thuốc thử này được áp dụng để xác định định lượng invitro nồng độ urê của huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**05**
21	Hóa chất định lượng CREATININE	Bộ	1x45ml+1x15 ml	Xét nghiệm định lượng Creatinin trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**10**
22	Hóa chất định lượng ALBUMIN	Bộ	1x29ml	Xét nghiệm được sử dụng để xác định định lượng albumin trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
23	Hóa chất định lượng PROTEIN	Bộ	1x48ml+1x48 ml	Đo định lượng Protein trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
24	Hóa chất định lượng Microalbumin	Hộp	4x60ml+4x15 mL	Xét nghiệm này được sử dụng để xác định định lượng Micro albumin trong nước tiểu trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
25	Hóa chất chuẩn Microalbumin	Hộp	1X1ML	Chất hiệu chuẩn Microalbumin trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**01**
26	Hóa chất định lượng Alkaline Phosphatase	Bộ	1X30ML+1X 30ML	Xét nghiệm được sử dụng để xác định định lượng Alkaline Phosphatase trong huyết thanh trên máy sinh hóa hoặc tương đương	**02**
HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC XS1000i HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG					
1	Hóa chất nội kiểm huyết học 3 mức	Hộp		Hóa chất nội kiểm huyết học 3 mức	**02**
2	Dung dịch rửa máy và pha loãng mẫu	Hộp	Hộp/20 Lít	Dung dịch rửa máy và pha loãng mẫu	**20**
3	Dung dịch phá vỡ hồng cầu và định lượng Hemoglobin	Hộp	1 x 1 Lit	Dung dịch phá vỡ hồng cầu và định lượng Hemoglobin	**14**
4	Dung dich ly giải thẩm thấu hồng cầu, pha loãng và đếm các thành phần bạch cầu	Hộp	1x42ml	Dung dich ly giải thẩm thấu hồng cầu, pha loãng và đếm các thành phần bạch cầu	**10**
5	Dung dịch rửa máy (đường ống)	Hộp	1x5000ml	Dung dịch rửa máy (đường ống)	**07**
TEST NHANH, SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN					

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
1	Kháng thể AB định nhóm máu	Lọ	1x5ml	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp đối với hồng cầu mang kháng nguyên A và B có trong mẫu máu cần xét nghiệm. Xét nghiệm cho kết quả sau 2 phút thực hiện.	**06**
2	Kháng thể A định nhóm máu	Lọ	1x5ml	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp đối với hồng cầu mang kháng nguyên A có trong mẫu máu cần xét nghiệm. Xét nghiệm cho kết quả sau 2 phút thực hiện.	**06**
3	Kháng thể B định nhóm máu	Lọ	1x5ml	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng ngưng kết trực tiếp đối với hồng cầu mang kháng nguyên B có trong mẫu máu cần xét nghiệm. Xét nghiệm cho kết quả sau 2 phút thực hiện.	**06**
4	Kháng thể D định nhóm máu	Lọ	1x5ml	Dựa vào phản ứng ngưng kết hồng cầu để xác định nhóm máu. Thuốc thử sẽ gây ra phản ứng với hồng cầu mang kháng nguyên D và ngưng kết gián tiếp với hồng cầu phân loại IVD trong giai đoạn kháng globulin của xét nghiệm. Xét nghiệm cho kết quả sau 2 phút thực hiện.	**06**
5	Test nhanh Heroin	Test	Hộp/50 test	Độ nhạy ≥ 99.8% ; Độ đặc hiệu ≥ 99.6%	**150**
6	Test nhanh Heroin,THC,AMP, THC	Test		Độ nhạy ≥ 99.8% ; Độ đặc hiệu ≥ 99.6%	**300**
7	Test nhanh HIV	Test	Hộp/100 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.87 %	**100**
8	Test nhanh HBAb	Test	Hộp/50 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.87 %	**100**
9	Test nhanh HBsAg	Test	Hộp/50 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.87 %	**300**
10	Test nhanh HCV Ab	Test	Hộp/100 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.88 %	**300**
11	Test nhanh Máu ẩn trong phân	Test	Hộp/30 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.89 %	**40**

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
12	Test nhanh H.pylori Total	Test	Hộp/30 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.90 %	**250**
13	Test nhanh Giang mai	Test	Hộp/50 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.91 %	**100**
14	Test nhanh kháng nguyên sốt xuất huyết	Test	Hộp/30 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.92 %	**125**
15	Test nhanh kháng thể sốt xuất huyết	Test	Hộp/30 test	Độ nhạy: ≥ 98.89 %, Độ đặc hiệu: ≥ 98.93 %	**60**
16	Pipet Đo độ lắng máu	cây	Hộp/ 100 Cây	Pipet nhựa dùng 1 lần đo tốc độ máu lắng bằng áp lực	**100**
17	Que xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Que	100 que/ hộp	Que thử nước tiểu dùng để định tính và bán định lương các thành phần: Leukocyte, Ketone, Nitrite, Urobilinogen, Bilirubin, Protein, Glucose, Specific Gravity, Blood, pH, Creatinine, Calcium, Microalbumin.	**4000**
HOÁ CHẤT NGOẠI KIỂM SINH HOÁ, HUYẾT HỌC, HBA1C					
1	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Hộp	Hộp/12 lọ/ năm	Hoá chất dùng để ngoại kiểm tra chất lượng theo chương trình Sinh hoá của Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm Tp.HCM	**01**
2	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Huyết học	Hộp	Hộp/3 lọ/3 tháng	Hoá chất dùng để ngoại kiểm tra chất lượng theo chương trình Huyết học của Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm Tp.HCM	**04**
3	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Hemoglobi gắn kết (HbA1C)	Hộp	Hộp/6 lọ/6 tháng	Hoá chất dùng để ngoại kiểm tra chất lượng theo chương trình HbA1C của Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm Tp.HCM	**02**
HÓA CHẤT DÙNG CHO XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU					
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm PT	Hộp	10x4ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm PT máy bán tự động	**02**
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm APTT	Hộp	10x5ml	Hóa chất dùng cho xét nghiệm APTT máy bán tự động	**01**
3	Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy gồm PT,aPTT.	Hộp	10 x 1 ml	Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy gồm PT,aPTT,Fibrinogen	**01**
VẬT TƯ XÉT NGHIỆM					

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
1	Dây bơm máy	Túi	2 cái/túi	Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm, tương thích với máy sinh hóa AU400 hoặc tương đương	**02**
2	Bóng đèn	Cái	1 cái/túi	Bóng đèn Halogen 12V 20W	**02**
3	Dung dịch Braunoderm	chai	chai		**13**
4	Đầu col vàng	Cái	Cái	Nhựa PP chính phẩm, màu vàng, không khía hoặc có khía Đặc điểm: Độ cone ôm kím đầu cây micropipet Kích cỡ: dung tích 0-200 µl	**5000**
5	Đầu col xanh	Cái	Cái	Nhựa PP chính phẩm, màu xanh, không khía hoặc có khía Đặc điểm: Độ cone ôm kím đầu cây micropipet Kích cỡ: dung tích 100-1000 µl	**5000**
6	Holder dùng 1 lần	Cây	Cây		**50**
7	Kim 2 đầu thân trong	Cây	Cây		**500**
8	Kim chích máu	Cái	Cái	chất liệu làm từ thép carbon, đầu mũi kim được vát nhọn, Tiệt trùng từng cây	**600**
9	Lam kính hiển vi nhám 7105	Cái	Hộp/72 cái	Size: 25.4x76.2mm, độ mỏng 1-1.2mm, bề mặt nhám	**1311**
10	Lamen kính 22x22mm	Cái	Hộp/ 100 cái	Lamen kính 22x22mm	**650**
11	Lọ nhựa 50ml tiệt trùng	Cái	Cái	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong	**200**
12	Lọ nhựa 55ml nắp đỏ, có nhãn	Cái	Cái	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55 ml. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong.	**5980**
13	Lọ nhựa đựng phân có bảo quản	Cái	Cái	Nhựa PS (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) trắng trong, nắp màu vàng , có thìa lấy phân bên trong. Lọ phân có chất bảo quản: bên trong lọ có bịch hóa chất F2M màu xanh giúp bảo quản mẫu phân.	**200**
14	Ống nghiệm chân không EDTA	ống	ống		**500**
15	Ống nghiệm chân không Serum	ống	ống		**500**

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
16	Ống nghiệm Chemily 2ml nắp xám, mous thấp	Ống	Ống	Hóa chất bên trong là chất kháng đông EDTA Dipotassium salt Dihydrate, chịu lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng)	**3250**
17	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp CAO SU xanh dương	Ống	Ống	- Sử dụng chất kháng đông Edta (Ethylenediaminetetra Acid) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. - Thiết kế phù hợp cho mọi hệ thống máy huyết học tự động. - Nắp cao su tinh khiết chất lượng cao giúp kim xuyên qua dễ và đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi giọt máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm.	**650**
18	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp xanh dương, mous thấp	Ống	Ống	Dùng để xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c). Đặc điểm: Sử dụng chất kháng đông EDTA (Ethylenediaminetetra Acid) với nồng độ đúng tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu, nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ.	**6500**
19	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Ống	Ống	Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin lithium, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3,000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).	**4550**
20	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn	Ống	Ống	Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong không nắp. Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các hóa chất bên trong	**2600**
21	Ống nghiệm nhựa 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống	Ống	Kích thước 12x75mm. Nhựa PS trắng trong nắp trắng. Sử dụng nhựa tinh khiết trung tính không phản ứng với các hóa chất bên trong	**1300**

STT	Tên hoá chất	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng đề xuất
22	Ống nghiệm nhựa trong	Cái	Cái	Nhựa PS trắng trong, có nắp, không có nhãn, chứa trong hộp mous giúp giữ cố định ống khi di chuyển mẫu.Thể tích lưu mẫu tối đa: 5ml - Kích thước: 12 x 75mm	**50**
23	Ống nghiệm Serum nắp đỏ	Ống	Ống	Chịu lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng)	**5200**
24	Ống nghiệm Citrate 3.8% 1ml nắp xanh lá, mous thấp	Ống	2,400 Ống/ Thùng	Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, chịu lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng)	**1000**
25	Pipette nhựa 1 ml	cái	Cái	Pipet paster có vạch chia, Thể tích đo: 1ml, Chất liệu: PE	**2600**
26	Que gòn lấy mẫu xét nghiệm	Que	Bịch Bịch/100 que	Que gòn đã được tiệt trùng dùng để lấy mẫu xét nghiệm, 1 đầu gòn, 1 đầu đựng trong ống nghiệm	**260**
27	Tube huyết thanh 1.5 ml	Cái	Bịch/ 500 cái	Thể tích 1.5ml, thành trơn láng chống sự bám dính của mẫu bệnh phẩm. Chịu được nhiệt độ lạnh đông và ly tâm theo tiêu chuẩn (có phiếu kiểm nghiệm của đơn vị kiểm chứng)	**2600**
28	Hộp chứa đầu cone vàng	Cái	Cái	Hộp đựng đầu col vàng 200ul, 96 lỗ	**05**
29	Hộp chứa đầu cone xanh	Cái	Cái	Hộp đựng đầu col xanh 1000ul, 100 lỗ.	**05**
30	Hộp sơ cấp cứu	Cái	Cái		**02**
31	Hộp xử lý tràn đổ	Bình	Bình		**01**
32	Gối kê lấy máu	Cái	cái		**10**
33	Micropipette 0.5 - 10ul	Cái	Cái		**01**
34	Micropipette 20 - 200ul	Cái	Cái		**01**
35	Cuvette đo đông máu	Hộp	Hôp/1000 cái	Cuvette đo đông máu	**02**
CỘNG KHOẢN: 89 KHOẢN					